

Số: 14/2024/QĐST-DS.

Đan Phượng, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1 (S1); Địa chỉ: A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị H. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh C. Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Duy A. Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ.

- Bị đơn: Ông Lê Tuấn Đ, sinh năm 1970; Bà Lê Thị T1, sinh năm 1973; Cùng HKTT và địa chỉ: Số A, cụm D, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Lê Anh S**, sinh năm 1995; Cháu **Lê Đoàn Quỳnh A1**, sinh ngày 21/4/2018; Địa chỉ: **Cụm D, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu **Lê Đoàn Quỳnh A1** là anh **Lê Anh S**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **Cụm D, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Ngân hàng TMCP Đ1 (S1)** và ông **Lê Tuấn Đ**, bà **Lê Thị T1** thỏa thuận tạm tính đến ngày 20/6/2024, ông **Đ**, bà **T1** còn nợ Ngân hàng số tiền là 777.616.401 đồng cụ thể: Hợp đồng cho vay từng lần số REF2232200219/HDTD/HNC-LTĐ ký ngày 25/11/2022, nợ gốc 641.660.000 đồng, **L** trong hạn 62.082.247 đồng, **L** quá hạn 5.328.118 đồng; Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ tín dụng Visa) ký ngày 16/11/2022, tổng nợ tạm tính đến ngày 20/6/2024, nợ gốc 50.000.000 đồng, **L** trong hạn 8.064.933 đồng, **L** quá hạn 10.481.103 đồng.

+ Ông **Lê Tuấn Đ**, bà **Lê Thị T1** cam kết chậm nhất đến ngày 01/7/2024 có nghĩa vụ thanh toán trả cho **Ngân hàng TMCP Đ1** số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 20/6/2024 là: 777.616.401 đồng, cụ thể: Hợp đồng cho vay từng lần số REF2232200219/HDTD/HNC-LTĐ ký ngày 25/11/2022, nợ gốc 641.660.000 đồng, **L** trong hạn 62.082.247 đồng, **L** quá hạn 5.328.118 đồng; Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân (Thẻ tín dụng Visa) ký ngày 16/11/2022, tổng nợ tạm tính đến ngày 20/6/2024, nợ gốc 50.000.000 đồng, **L** trong hạn 8.064.933 đồng, **L** quá hạn 10.481.103 đồng.

+ Kể từ ngày 21/6/2024, ông **Lê Tuấn Đ**, bà **Lê Thị T1** phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, phạt, phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

+ Trường hợp ông **Lê Tuấn Đ**, bà **Lê Thị T1** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh theo đúng cam kết thì ông **Lê Tuấn Đ**, bà **Lê Thị T1** nhất trí để **Ngân hàng TMCP Đ1** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 523, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: **Cụm D, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 670738, số vào sổ cấp GCN: CS-ĐP 06441 do **Sở Tài Nguyên và Môi**

Trường thành phố H cấp ngày 02/6/2017 cho ông Lê Tuấn Đ. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1833.2022/HĐTC Quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1; Đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 28/11/2022 tại Văn phòng Đ2, chi nhánh huyện Đ.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S1 thì ông Lê Tuấn Đ, bà Lê Thị T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S1 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Khi ông Lê Tuấn Đ, bà Lê Thị T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Đ1 phải trả lại cho ông Lê Tuấn Đ, bà Lê Thị T1 các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hai bên đã ký kết.

+ Về án phí: Ông Lê Tuấn Đ, bà Lê Thị T1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 17.552.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010173 ngày 22/4/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tuyết